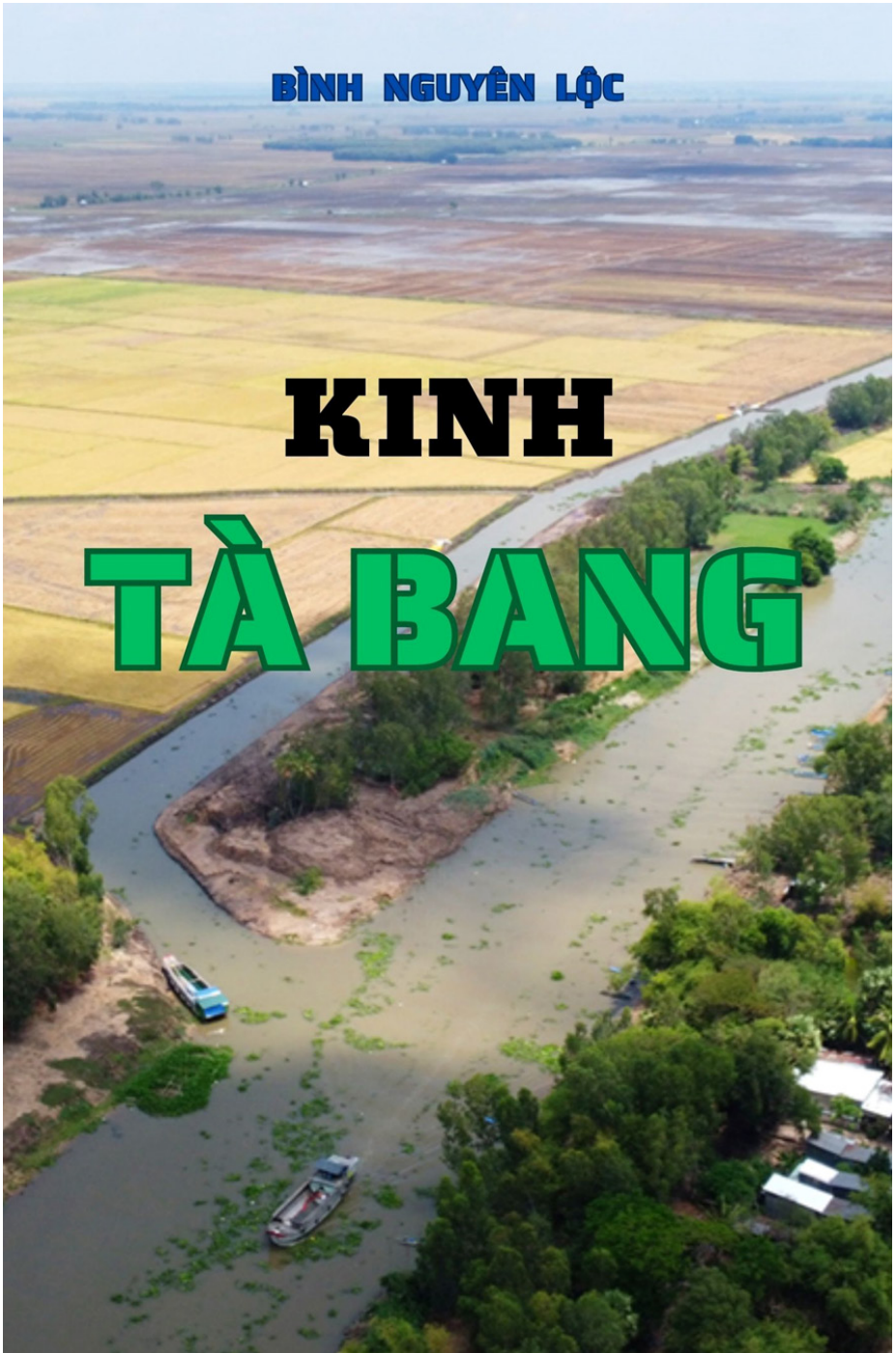


BÌNH NGUYỄN LỘC

KINH TÀ BANG



kinh Tà Bang

Bình Nguyên Lộc

kinh Tà Bang

Bình Nguyên Lộc

Bìa: *M. C. P*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

**khí hậu
pháo xiết**

BÌNH NGUYÊN LỘC

**GIỮ THƠM QUÊ MẸ
LÁ BỐI xuất bản
số 1 - tháng 7 năm 1965**

Bà phán Được vừa thấy Tấn, vội reo lên:

– A, có chú Tấn đến chơi, hay quá, để tôi hỏi thăm cái này.

Tấn sượng ghê đi.

Phán Được là bạn học cũ của Tấn, nhưng ông ta cao niên hơn Tấn đến năm tuổi. Sau mấy mươi năm cách mặt, cả hai đều gặp lại nhau ở Saigon, cả hai đều thành công trên đường đời, mặc dầu Tấn luôn luôn cháy túi, còn Được thì có bà vợ làm nhà xuất nhập cảng.

Bà Được cái gì cũng biết cả, từ giá thị trường cho đến vụ con gái ông đốc công Kiệt có chữa hoang, bí mật trốn lên Dalat để đẻ. Cái gì bà không biết, chẳng hạn như một qui chế mới cho các nhà xuất nhập cảng, chẳng hạn như thảo một lá đơn xin diện ba dây cho xưởng tiện sắt của bà, thì đã có ông Được lo cho.

Bà chỉ hỏi ý kiến “chú Tấn nó” về những chuyện ngoắt ngoéo, những trường hợp lương tâm khó xử thôi.

Con người ăn không đủ no là chú Tấn, được dịp trả thù mỗi bận bà vợ bạn vấn kế như vậy. Đó là những cơ hội báo thù đời hiểm hoi của những người không được thủ vai quan trọng trong một xã hội nào đó, y như cụ tiên chỉ trong làng, già quá không tham gia vào sanh hoạt thôn ỏ được nữa, bị làng nước bỏ quên, và chỉ

hãnh diện mỗi năm có một lần vào dịp cúng kỳ yên mà cụ làm chủ tế.

Bà phán Được gọi trẻ rót trà rồi chạy tuốt vào trong phòng đáp câu hỏi : “Còn anh đâu chị?” của khách.

Giây lát sau bà trở ra, tay cầm một phong thư đã bóc rồi, bì thư bằng giấy màu thật mỏng loại bì dùng để gói máy bay.

– Thơ của thằng Ngọc, bà nói, chú nó uống trà rồi đọc đi thì biết.

“À, ra thế, ngỡ gì! » Tấn nói thâm như vậy rồi thất vọng vô cùng. Hằng năm, anh ta chỉ có dịp dạy đời con người tài giỏi này một đôi lần thôi, mà lần này lại không phải là dịp đó, vì đây chỉ là lỗi khoe gián tiếp cái gì đó của bà Được thôi.

Bà Được có tánh hay khoe khoang, với nhà giàu thì bà khoe thương vụ của bà, bà khoe hột xoàn, còn với những kẻ biết chữ như Tấn, bà khoe con, khoe rể, khoe dâu, đứa nào đổ đạt cái gì. Tấn đã thuộc lâu rồi mà thỉnh thoảng cứ bị bà ta bắt nghe lại mãi.

“Không biết cái ông kỹ sư ấy lại thì đậu cái gì nữa đây? Mình không thích đọc thư của người khác gởi cho một người khác, nhưng có được với chị này đâu! Nào, coi có gì lạ”.

Thư như vậy:

Ba Lê, 12 tháng 5 năm 1965

Thưa ba má,

Con Đào đã ra nhà thương rồi, và khỏi bệnh, chỉ còn phải dưỡng nữa mà thôi.

Có một người đồng hương, học y khoa năm thứ tư muốn xin cưới nó, nhưng coi bộ nó bần dưng lắm. Vợ chồng con thấy nó cũng còn trẻ nên cứ để nó liệu định, không muốn làm áp lực nào.

Còn thằng Lực thì tháng tới đây nó thì tú tài 1, con chắc nó đậu.

Có một điều này, vợ chồng con bần khoản lắm, muốn thưa với ba má coi ba má nghĩ sao.

Thằng Thế sanh ra tại Ba Lê, và dĩ nhiên được Pháp tịch.

Nhưng nó là cháu đích tôn của ba má, vợ chúng con không biết ba má có muốn cho nó trở về Việt tịch hay không. Có cái vụ cũng côm rắc rối ấy mà!

Vợ chồng con thấy cứ để vậy lợi hơn, nhưng lại sợ ba má buồn, thành thử mới

kính thơ này về xin nhắc nhở bạ má một vấn đề mà ba má có lẽ không hay rằng có.

Vân... Vân...

Ký tên

NGOC

Bà phán Được theo dõi Tấn ở đôi mắt hần và khi thấy hần đọc thư xong rồi, bà liền hỏi:

– Sao chú nó nghĩ thế nào?

Tấn chưa nghĩ thế nào cả về vụ này. Hần đang nghĩ ngợi về chuyện khác.

Đó là một chuyện ngày xưa mà câu hỏi hôm nay bỗng dưng gợi nhớ cho hần.

Hai câu chuyện mới trông, dường như không có liên hệ nào với nhau hể. Trí và lòng Tấn làm việc chớp nhoáng

như một cái máy tính điện tử, phối hợp lại không biết bao nhiêu là dữ kiện để lập thành một hệ thống cảm nghĩ có đầu có đuôi, tất cả, trong một khoảng tíc tắc đồng hồ, bộ máy ký ức của chàng cũng được huy động giữa khoảng thời khắc ngắn ngủi ấy và cả câu chuyện cũng được nhớ lại một cách hỏa tốc.

Ngày xưa, ông ngoại hẳn làm nghề “đi rỗi”. Các bạn có biết “đi rỗi” là đi đâu hay không? Các bạn cứ nghe câu ca dao sau đây thì sẽ có một ý niệm sơ lược về cái nghề ấy.

Anh đi ghe lớn trắng lườn

Ở trên Gia Định xuống vườn thăm em.

Ông cụ sắm ba bốn chiếc “ghê lớn” – kiểu ghe của miền đông, rồi đi Hậu Giang, mà thuở ấy người ta gọi là “miệt vườn”, mua cá đồng về bán.

“Miệt Vườn” thuở ấy còn hoang vu lắm, với lại Tấn còn bé quá, chưa đi đâu xa được, nên những địa danh mà hẳn thường nghe ông ngoại hẳn nói đến, rất có vẻ man rợ và xa xôi như là ở đâu tận những chơn trời ngoại quốc nào.

Vì vậy mà hẳn không còn nhớ tên nơi chốn nào cả mà ông ngoại hẳn đã lui tới làm ăn, chỉ trừ cái kinh Tà Bang hay Trà Bang gì đó mà có đến ba người nhắc nhở mà một người, mãi cho tới khi hẳn lớn khôn, còn nói đến hoài, nói đến cả lúc người ấy hấp hối.

Người thứ nhì làm cho con Kinh xa lạ ấy nổi danh trong gia đình Tấn là ông bảy Cửa.

Ông ấy giữ một chức vụ như là xếp ga-ra bây giờ, nghĩa là ông coi sóc cả đoàn thuyền rỗi của ông ngoại Tấn, gồm

bốn chiếc ghe nhà và thêm ba bốn chiếc ghe thuê nữa.

Tất cả những bạn ghe của đoán ghe rồi nhà đều có bắt tình với một cô gái “miệt Vườn” và đều nhớ tới tên quê hương của nhơn tình của họ.

Riêng ông bảy Cửa, ông ấy quyết lấy vợ dưới ấy, nhưng cô gái lại không thích bỏ xứ, thành thử ông ta cứ hỏi ý kiến người này người nọ, xem chính ông ta có nên bỏ xứ hay không.

Thuở ấy người làm công ở chung với chủ nhà, hay ít lắm cũng ăn chung nên trong gia đình Tấn, mọi người đều bị con kinh Tà Bang của ông Cửa ám ảnh.

Ông Cửa chết vợ và năm ấy ông đã bảy tám rồi, ông cũng không đẹp trai

gì đó, mà còn hơi già trước tuổi nữa là khác, vì Tấn và cả nhà đều kêu bầy Cửa bằng “ông bầy Cửa” ngay từ lúc ông chưa tục huyền. Vậy mà không biết nhờ bùa ngãi gì mà rồi rốt cuộc bà bầy Cửa lại theo ông về xứ của ông.

Nếu cô gái kinh Tà Bang ấy mà không nói lại lịch của cô ta ra thì ai cũng ngỡ cô ta là người Việt Nam vì cô nói tiếng ta thạo không kém chị bếp ở nhà chút nào, chỉ khác với danh từ dùng gọi các vật dụng thường ngày.

Cô ta là gái “đầu gà đít vịt” nghĩa là cha khách, mẹ “đàng thổ” tức Cao Miên.

Ông bầy Cửa tục huyền rồi thì cất nhà ở riêng, nhưng kế cận nhà ông ngoại Tấn, thành thử Tấn thường lui tới nhà ông bầy vì sự gần gũi mà cũng vì người đàn bà xứ xa mà Tấn thấy rất hay lạ.

Từ đó, vùng này chỉ còn một người nói đến kinh Tà Bang. Ông ngoại Tấn già quá nên giải nghệ, ông bảy Cửa thất nghiệp, xuống làm bạn chèo ghe, những ghe thương hồ không đi xa hơn Saigon.

Chỉ còn một người nói, mà nói đến cái xứ ấy nhiều gấp hai, gấp ba hai người kia, vì bà bảy Cửa đã mất liên lạc với “nước” của bà.

Vâng, trong vùng này, người ta định ninh cái địa danh kỳ dị ấy: *Tà Bang*, là tên của một làng. Cao Miên hay một làng Trung Hoa gì đó. Bằng cứ là bà bảy khai lý lịch của bà như vậy, bà là dân khác nước với người mình.

Không đường sá lưu thông, lối xê dịch độc nhất là ghe thuyền, đi chín mươi ngày, lắm khi chưa tới nơi, mà ông bảy lại đổi nghề thì bà, phận gái, còn làm

sao mà về thăm quê quán ở “nước ngoài” cho được.

Tình trạng ấy làm cho bà bầy tuyệt vọng và nhớ xứ nhiều hơn lên. bà khóc dữ lắm. Những khi không khóc bà tìm người để bắt nghe chuyện Kinh Tà Bang của bà.

Trong tháng đầu mới theo chồng lên miền Đông, bà bầy quên mất quê hương của bà vì bà vui duyên mới, vì cảnh vật chung quanh bà xinh đẹp bà khen hoài: ở đây nước sông trong và ngọt, bờ sông là bãi cát trắng chớ không phải bãi bùn, sau làng có suối trong veo, sau suối có đồi cao, bà cho rằng đẹp hơn cảnh bùn lầy của xứ bà nhiều lắm.

Nhưng qua cái tháng đó, hay tin chồng đổi nghề, bà bắt đầu nhớ quê hương. Sông cứ mà ngọt, suối cứ mà

trong, đôi cứ mà cao, bà bảy luôn luôn thềm cái chân trời quen thuộc của bà mà bà tả ra, nghe thua ở đây thật. Cái gì mà cánh đồng minh mông bát ngát, rồi cánh đồng bát ngát minh mông, ngoài ra không có gì nữa cả.

Nhưng vậy mà bà cứ nhớ và khóc.

Bà bảy mang lên miền Đông câu hát này:

Cây bần đe con đầm đậu sáng ngời

Lỡ duyên tại bậu, trách trời sao nên.

Rồi bà tả những cây bần mọc de ra ngoài dòng rạch, khi hoàng hôn xuống, bùng sáng lên như là ai thắp đèn mà rọi vào đó, hay như là có muôn ngàn ngọn đèn nhỏ thật nhỏ treo trên đó.

Những cây bần treo đèn đóm ấy, đẹp thì có đẹp thật, nhưng chỉ đẹp đầu hôm thôi, còn ban ngày thì nó cứu vãn sao cho nổi cảnh phẳng lì của xứ hà. Chẳng qua là không có gì để khoe, bà bầy cố làm nổi bật lên cái món lạ hơn hết để cho có lý do mà khóc đấy thôi.

Bà bầy khoe cái này mới là kỳ đòi cho chó.

Bà thường kể chuyện những năm kinh mới được nhà nước đào xong. Đất hai bên bờ kinh là đất hoang vu, rậm rạp rừng tràm, Kinh đào rồi thì thiên hạ đổ xô tới cất nhà ở ven kinh rồi đi sâu vào trong để giành đất, phá rừng đặng làm ruộng.

Cái thuở khai hoang ấy, bà mới lên tám thôi, vậy mà cũng theo cha mẹ để làm công việc nhọc nhằn đó.

Bà nói là vui lắm, nhưng không ai thấy là vui ở chỗ nào cả: cái gì mà rừng lại mọc dưới nước, thọc cũng xuống đất là đất lún, chôn chơn mình gần tới háng, cái gì mà đất ướt quanh năm, chết không có chỗ để mà chôn, cái gì mà chiều lại là phải vô mừng “kéo muối nó khiêng đi”, cái gì mà trâu cũng phải ngủ mừng nữa, ai nghèo không có mừng, nó bị muối đốt nó rống suốt đêm.

Lại còn nào là cộp nước, nào là sấu, nào là rắn độc nữa, toàn thú dữ không mà thôi, người dân không được một tí an ninh nào hết.

Ừ hự, nghe mà bắt mệt,

– Nhưng người các chú nước bà, sao lại đi bậy. Vô rừng làm chi để phải chịu cực như vậy? Người trong làng hỏi.

- Đâu có phải nước cắc chú.
- Chị nước gì? Nước Cao Mên hả?
- Cũng đâu phải, Nước An nam chớ.
- Vậy sao, té ra xứ Tà Bang ở trong nước An Nam.

À, cái mới là kỳ cục nhất trên đời. Nếu bà bầy nhớ bên Tàu, nhớ Cao Mên thì còn cho được đi, cái này ai lại đầu gà địt vịt mà lại nhớ xứ An Nam!

Hay là tại mẹ ghẻ của bà bầy là người mình ? Cứ theo lời bà kể thì má của bà chết đi sau khi ruộng nương thành khoảnh rồi. Tía của bà bấy giờ mới tục huyền với một người đàn bà người mình, đẻ thêm ba bốn người con nữa.

Nhưng giả thuyết ấy cũng không đứng vững, vì cũng cứ theo lời bà thì

bà bị mẹ ghẻ hành hạ dữ lắm. Bà ấy ác ghê đi, con gái lớn lên, có người đi hỏi, bà không cho chồng bà gả, giữ lại để bắt « mần ». Bà phải ở tới hăm lăm tuổi là vì vậy. Còn sở dĩ bà phải bỏ quê hương xứ sở, trốn mà để theo ông bảy Cửa về miền Đông là để thoát khỏi tay mẹ ghẻ của bà,

Mùa mưa là mùa mà bà bảy khóc nhiều nhứt. Dĩ nhiên là như vậy. Bà này cảm nghĩ chương đời thì phải chương đời luôn cho tới cùng thì mới là hợp lý. Chẳng mùa mưa nước nổi, xứ của bà đã xấu, càng xấu thêm, ấy bà ta mê cái xấu nên chọn mùa mà cái ấy xấu nhứt để mà nhờ vậy.

Bà bảy Cửa chết năm bà bốn mươi lăm tuổi, nghĩa là hai mươi năm sau khi lấy chồng về miền Đông. Ông bảy Cửa bấy giờ đã năm mươi lăm rồi mà vẫn còn khỏe mạnh. Trong những ngày cuối

cùng của bà, bà khóc mà van nài chồng thuê một chiếc ghe để đưa thi thể bà về Kinh Tà Bang và lời cuối cùng của bà như sau đây:

– Trời ơi, hai mươi năm rồi, tía tôi với lại các em tôi, không biết còn hay chẳng, nhưng xứ sở của tôi chắc phải còn. Ông ơi, ông có thương tôi, xin ông làm theo lời tôi trời trăng.

Ông bảy Cửa cũng nghèo, nhưng ông đủ sức thuê một chiếc thuyền để đưa cỗ hòm của vợ ông về quê của bà ấy.

Nhưng ông không làm theo ý muốn của bà. Ông thương vợ ghê lắm và chính vì thương bà nên ông mới làm trái ý bà. Ông muốn nhìn thấy nắm mồ của bà nằm cạnh mồ ông mả cha của ông, tất cả những nắm mồ của bao đời rồi sẽ hợp với nắm mồ mới này để làm cuộc

đời ông. Cuộc đời ông gồm có quá khứ và hiện tại, có những hình bóng cũ, có những gương mặt bây giờ, có chơn trời đóng khung bằng những năm mốt ấy.

– Sao, chú nó nghĩ như thế nào?

Tấn giựt nẩy mình. Hấn vừa xem một cuốn phim và hai chữ “The End” hiện lên màn bạc rồi mà hấn vẫn còn bàng hoàng.

Đây là vấn đề hay nhứt trong gia đình bà chủ nhà xuất nhập cảng rồi, bao nhiêu vấn đề mà Tấn được tham khảo ý kiến, không ra ngoài chuyện cô Nga, con gái thứ của bà nên lấy ông Được sư hay nên lấy ông ở trường Quốc gia hành chánh mới ra trường, không ra ngoài chuyện cất một ngôi nhà mát ở Đalat có lợi hay không?

Nhưng Tấn lại không trở tài được với bà vợ bạn. Nếu có ông Được ở nhà, chưa chắc ông đã hiểu những gì Tấn muốn nói.

Hắn nói một câu rất tài mà bà Được nghe xong rồi ngơ ngác, định bụng “Chú nó” bị quá nên nói tâm ruồng.

Việt tịch mà làm gì chị!

– Ủ, tôi cũng nghĩ như chú nó.

– Mà cũng cơm cũng không làm gì tuốt.

– À, cái đó tài quan trọng lắm chứ,

– Cốt là ngày sau, cháu nó còn nhớ tới ông bà, tổ tiên hay không.

– Ủ, đúng như vậy.

– Mà cháu nó nhớ ông bà, tổ tiên, đất nước hay không là do chúng nó có tâm hồn Việt Nam hay không.

Muốn có tâm hồn Việt Nam hay không, phải thở ngay không khí Việt Nam trong những năm đầu của đời nó. Nó phải biết thưởng thức mùi vị của một con cá rô nướng dầu mắm nêm, nó phải có nghe tiếng nhạc ếch vào buổi chiều ở các ruộng sâu, nó phải được nghe những câu chuyện cổ tích đẹp như một mái lá mà một bà ngoại, một bà nội kể cho nó hàng đêm, từ thuở nó lên ba.

Nếu nó không phải đến rừng để khai hoang làm ruộng như người ta thì ít ra nó cũng phải là nạn nhân của một nạn bão lụt nào, giữa đồng bào của nó, nạn nhân của một cuộc chiến tranh, tóm lại nó phải cùng đau khổ với người đồng chủng của nó.

Bằng như mà không có vậy, nó sẽ là một người Tây, mặc dầu nó mang Việt tịch, nó biết cúng cơm, nó học Việt sử.

– Ủ, chú nói đúng.

Câu của bà chủ nhà xuất nhập cũng rõ ràng là như vậy, không thể hiểu được bằng lối nào khác, nhưng Tấn tin chắc rằng bà chỉ hiểu có mấy tiếng đầu: “Việt tịch mà làm gì, chị” và nhứt định bà sẽ khuyên con bà để cháu bà giữ Pháp tịch.

Một người có học thức, chưa dễ đã hiểu Tấn. Nếu tâm hồn Việt Nam không thể dạy được mà phải “sống Việt Nam” mới có được, thì những lời của Tấn cũng không phải nói ra là người ta hiểu liền đâu.

Phải có thấy người Trung Hoa nhớ
quê hương Việt Nam, người Việt Nam
nhớ quê hương Pháp mới hiểu được Tấn
mà thôi,

